

# THỰC TRẠNG MÔI TRƯỜNG VĂN HÓA TẠI CÁC CƠ SỞ TẬP LUYỆN THỂ THAO DƯỚI HÌNH THỨC KINH DOANH DỊCH VỤ Ở VIỆT NAM THEO NHÓM CÁC TIÊU CHÍ VỀ VĂN HÓA VẬT THỂ

Đinh Quang Ngọc<sup>(1)</sup>; Nguyễn Ngọc Tuấn<sup>(2)</sup>

## Tóm tắt:

Sử dụng nhóm tiêu chí về văn hóa vật thể liên quan tới thiết chế văn hóa và cảnh quan văn hóa ở cơ sở tập luyện, nhóm nghiên cứu đã khảo sát và tiến hành phân tích thực trạng môi trường văn hoá tại các cơ sở tập luyện thể thao dưới hình thức kinh doanh dịch vụ ở Việt Nam. Kết quả cho thấy: Các công trình, cơ sở vật chất phục vụ tập luyện tuy đã được các cơ sở kinh doanh quan tâm, đầu tư xây dựng, nhưng mức độ đáp ứng ở nhiều cơ sở chỉ ở mức bình thường; một số công trình, cơ sở vật chất mang tính nhân văn, văn hóa, truyền thống còn chưa được quan tâm trang bị như các công trình hỗ trợ người khuyết tật, không gian cho phòng truyền thống, không gian đọc...

**Từ khóa:** Môi trường văn hóa, thể thao, Kinh doanh dịch vụ, Việt Nam, Văn hóa vật thể.

## Current status of the cultural environment at sports facilities in the form of service businesses in Vietnam according to the group of criteria on material culture

## Summary:

Using a group of criteria on material culture related to cultural institutions and cultural landscapes at training facilities, the research team surveyed and analyzed the current state of the cultural environment at training facilities. Sports training in the form of service business in Vietnam. The results show that: Although business establishments have paid attention and invested in construction of works and facilities for training, the level of response in many establishments is only at a normal level; Some works and facilities of humanistic, cultural and traditional nature have not yet been equipped with attention, such as works to support people with disabilities, spaces for traditional rooms, reading spaces...

**Keywords:** Cultural environment, sports, Service business, Vietnam, Material culture.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Xây dựng môi trường văn hoá (MTVH) là một trong những nhiệm vụ quan trọng mà Đảng, Nhà nước luôn coi trọng và có những định hướng chỉ đạo cụ thể. Trong lĩnh vực TDTT, việc xây dựng môi trường văn hóa không chỉ tiến hành tại các địa điểm tổ chức các sự kiện thể thao, mà cần phải được triển khai ngay tại các cơ sở tập luyện thể thao. Trong đó, cơ sở tập luyện thể thao dưới hình thức kinh doanh dịch vụ là một loại hình cơ sở tập luyện đặc biệt, mới được phát triển mạnh trong những năm gần đây trên thị trường Việt Nam, nơi mà người tập phải trả phí, khác với các trung tâm huấn luyện thể thao (nơi quản lý và đào tạo VĐV các môn thể thao thành tích cao) hay các trường đại học, cao đẳng, các cơ sở đào tạo chuyên TDTT (môi trường tập luyện thể thao có sự quản lý của các nhà trường, cơ sở đào tạo...). Chính vì vậy, để

có cơ sở để xuất các giải pháp xây dựng MTVH, chúng tôi tiến hành khảo sát và đánh giá thực trạng MTVH tại các cơ sở tập luyện thể thao dưới hình thức kinh doanh dịch vụ ở Việt Nam.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: phân tích và tổng hợp tài liệu; phỏng vấn, tọa đàm; phương pháp chuyên gia và phương pháp thống kê.

Để đánh giá thực trạng, trên cơ sở các mẫu phiếu khảo sát đã xây dựng, chúng tôi tiến hành điều tra khảo sát trên phạm vi toàn quốc đối với các cơ sở tập luyện thể thao dưới hình thức kinh doanh dịch vụ thể thao. Trong đó đã tiến hành điều tra trực tiếp tại: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh và Đà Nẵng; gửi phiếu khảo sát tới các cơ sở tập luyện thể thao ở các địa phương thông qua đường văn thư; đồng thời triển khai khảo sát online đối với cả các cơ sở tập luyện và cá nhân

<sup>(1)</sup>PGS. TS, <sup>(2)</sup>TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

chuyên gia, nhà quản lý và những người tham gia làm việc và tập luyện tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao trên phạm vi cả nước. Cụ thể, đã thu thập được số liệu khảo sát của 102 cơ sở và 328 cá nhân là người quản lý, làm việc và tập luyện tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện TDTT.

### **KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN**

Kết quả khảo sát thực trạng MTVT theo nhóm tiêu chí về văn hóa vật thể liên quan tới thiết chế văn hóa và cảnh quan văn hóa ở cơ sở

tập luyện được tổng hợp theo 4 nhóm: mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, thiết bị và cảnh quan tại cơ sở tập luyện; chất lượng các công trình phục vụ quản lý ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao; chất lượng các loại cơ sở vật chất hỗ trợ khác ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao.

### **1. Thực trạng mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất, thiết bị và cảnh quan tại cơ sở tập luyện**

**Bảng 1. Thực trạng mức độ đáp ứng của cơ sở vật chất thiết bị và cảnh quan tại cơ sở tập luyện (n=328)**

| TT | Tiêu chí đánh giá                                                                           | Kết quả        | Mức độ đáp ứng    |         |             |               |                         |
|----|---------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------------|---------|-------------|---------------|-------------------------|
|    |                                                                                             |                | Hoàn toàn đảm bảo | Đảm bảo | Bình thường | Không đảm bảo | Hoàn toàn không đảm bảo |
| 1  | Đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn của các cơ sở vật chất, trang thiết bị             | m <sub>i</sub> | 136               | 112     | 78          | 2             | 0                       |
|    |                                                                                             | %              | 41.46             | 34.15   | 23.78       | 0.61          | 0                       |
| 2  | Các công trình thể thao cơ bản đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường                             | m <sub>i</sub> | 132               | 185     | 11          | 0             | 0                       |
|    |                                                                                             | %              | 40.24             | 56.4    | 3.35        | 0             | 0                       |
| 3  | Cảnh quan ở nơi tập luyện đảm bảo yếu tố văn hóa                                            | m <sub>i</sub> | 188               | 140     | 0           | 0             | 0                       |
|    |                                                                                             | %              | 57.32             | 42.68   | 0           | 0             | 0                       |
| 4  | Cảnh quan nơi tập luyện đảm bảo yếu tố hài hòa với thiên nhiên và thân thiện với môi trường | m <sub>i</sub> | 325               | 3       | 0           | 0             | 0                       |
|    |                                                                                             | %              | 99.09             | 0.91    | 0           | 0             | 0                       |

Kết quả thu được ở bảng 1 cho thấy: Các chỉ tiêu về mức độ đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường, yếu tố văn hóa, hài hòa với tự nhiên và bảo vệ môi trường đều được đa số đánh giá ở mức tốt và rất tốt (96.65 – 100%). Chỉ có tiêu chí đáp ứng về yêu cầu chất lượng và an toàn của các CSVC, trang thiết bị có 23.78% đánh giá ở mức bình thường. Kết quả khảo sát và so sánh giữa các khu vực ở 03 Miền: Bắc, Trung, Nam cho thấy, tiêu chí đáp ứng yêu cầu về chất lượng và an toàn của các CSVC và thiết bị ở Miền Bắc có 94.17% số người được hỏi đánh giá ở mức đảm bảo và hoàn toàn đảm bảo, trong khi khu vực Miền Nam và Miền Trung có lần

lượt 33.05% và 37.78% số người được hỏi đánh giá ở mức bình thường.

### **2. Thực trạng chất lượng các công trình hỗ trợ ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao**

Kết quả đánh giá về chất lượng các công trình hỗ trợ thu được ở bảng 2 cho thấy: Ngoại trừ công trình nhà vệ sinh, 100% các cơ sở kinh doanh đều đã trang bị, có hơn 40% số người được hỏi cho biết, ở nơi họ làm việc và tập luyện, các công trình hỗ trợ khác vẫn chưa được trang bị. Kết quả so sánh giữa 3 Miền: Bắc, Trung, Nam cho thấy, một số công trình hỗ trợ cần thiết tại các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao vẫn chưa được trang bị đầy đủ như: Phòng chờ, phòng gửi đồ, phòng cho GV/HLV/chuyên gia,

**Bảng 2. Thực trạng chất lượng các công trình hỗ trợ ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao (n=328)**

| TT | Công trình hỗ trợ                    |                | Kết quả |       |                  |       |             |           |               |
|----|--------------------------------------|----------------|---------|-------|------------------|-------|-------------|-----------|---------------|
|    |                                      |                | Không   | Có    | Kết quả đánh giá |       |             |           |               |
|    |                                      |                |         |       | Rất tốt          | Tốt   | Bình thường | Không tốt | Rất không tốt |
| 1  | Phòng chờ                            | m <sub>i</sub> | 140     | 188   | 31               | 77    | 80          | 0         | 0             |
|    |                                      | %              | 42.68   | 57.32 | 16.49            | 40.96 | 42.55       | 0         | 0             |
| 2  | Phòng thay quần áo                   | m <sub>i</sub> | 3       | 325   | 91               | 111   | 123         | 0         | 0             |
|    |                                      | %              | 0.91    | 99.09 | 28               | 34.15 | 37.85       | 0         | 0             |
| 3  | Phòng gửi đồ                         | m <sub>i</sub> | 145     | 183   | 76               | 55    | 50          | 2         | 0             |
|    |                                      | %              | 44.21   | 55.79 | 41.53            | 30.05 | 27.32       | 1.09      | 0             |
| 4  | Nhà vệ sinh                          | m <sub>i</sub> | 0       | 328   | 91               | 100   | 137         | 0         | 0             |
|    |                                      | %              | 0       | 100   | 27.74            | 30.49 | 41.77       | 0         | 0             |
| 5  | Buồng tắm                            | m <sub>i</sub> | 24      | 304   | 82               | 89    | 128         | 5         | 0             |
|    |                                      | %              | 7.32    | 92.68 | 26.97            | 29.28 | 42.11       | 1.64      | 0             |
| 6  | Phòng nghỉ ngơi                      | m <sub>i</sub> | 160     | 168   | 30               | 55    | 61          | 22        | 0             |
|    |                                      | %              | 48.78   | 51.22 | 17.86            | 32.74 | 36.31       | 13.1      | 0             |
| 7  | Phòng dành cho các GV/HLV/chuyên gia | m <sub>i</sub> | 118     | 210   | 35               | 57    | 96          | 22        | 0             |
|    |                                      | %              | 35.98   | 64.02 | 16.67            | 27.14 | 45.71       | 10.48     | 0             |
| 8  | Phòng họp và hội nghị                | m <sub>i</sub> | 146     | 182   | 33               | 105   | 44          | 0         | 0             |
|    |                                      | %              | 44.51   | 55.49 | 18.13            | 57.69 | 24.18       | 0         | 0             |
| 9  | Phòng y tế                           | m <sub>i</sub> | 146     | 182   | 47               | 43    | 90          | 2         | 0             |
|    |                                      | %              | 44.51   | 55.49 | 25.82            | 23.63 | 49.45       | 1.1       | 0             |
| 10 | Phòng ăn                             | m <sub>i</sub> | 200     | 128   | 50               | 36    | 40          | 2         | 0             |
|    |                                      | %              | 60.98   | 39.02 | 39.06            | 28.13 | 31.25       | 1.56      | 0             |
| 11 | Ki-ốt bán hàng                       | m <sub>i</sub> | 156     | 172   | 45               | 79    | 46          | 2         | 0             |
|    |                                      | %              | 47.56   | 52.44 | 26.16            | 45.93 | 26.74       | 1.16      | 0             |
| 12 | Khác                                 | m <sub>i</sub> | 218     | 110   | 39               | 26    | 28          | 17        | 0             |
|    |                                      | %              | 66.46   | 33.54 | 0                | 0     | 0           | 0         | 0             |

phòng y tế, phòng ăn, ki ốt bán hàng... tỷ lệ người được hỏi cho biết các cơ sở kinh doanh nơi họ làm việc và tập luyện chưa trang bị còn cao, chiếm gần 50% và cao hơn, đặc biệt ở khu vực miền trung. Đối với những cơ sở có trang bị, đa số có chất lượng tốt và rất tốt, tuy vậy vẫn còn một số công trình chỉ được đánh giá ở mức trung bình (>50%, thậm chí > 70%).

### 3. Thực trạng chất lượng các công trình phục vụ quản lý ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao

Kết quả khảo sát thu được ở bảng 3 cho thấy: Đa

số các cơ sở kinh doanh có trang bị một số công trình hỗ trợ quản lý, tuy nhiên vẫn có khoảng 20% số người được hỏi cho biết, một số công trình như phòng cán bộ, phòng dành riêng cho bộ phận quản lý, phòng bảo vệ, phòng sửa chữa dụng cụ và trang thiết bị chưa được trang bị; còn từ 24.09 – 33.23% đánh giá chất lượng các công trình trên chỉ ở mức bình thường. Kết quả tổng hợp và phân tích theo 3 miền: Bắc, Trung, Nam cho thấy: Ở khu vực phía Bắc, có tới >40% số người được hỏi cho biết, cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao nơi họ làm

**Bảng 3. Thực trạng chất lượng các công trình phục vụ quản lý ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao (n=328)**

| TT | Công trình hỗ trợ                            |                | Kết quả khảo sát |       |                       |       |             |           |               |
|----|----------------------------------------------|----------------|------------------|-------|-----------------------|-------|-------------|-----------|---------------|
|    |                                              |                | Không            | Có    | Chất lượng công trình |       |             |           |               |
|    |                                              |                |                  |       | Rất tốt               | Tốt   | Bình thường | Không tốt | Rất không tốt |
| 1  | Phòng cán bộ                                 | m <sub>i</sub> | 72               | 256   | 43                    | 128   | 85          | 0         | 0             |
|    |                                              | %              | 21.95            | 78.05 | 16.8                  | 50    | 33.2        | 0         | 0             |
| 2  | Phòng dành cho bộ phận quản lý               | m <sub>i</sub> | 65               | 263   | 75                    | 107   | 81          | 0         | 0             |
|    |                                              | %              | 19.82            | 80.18 | 28.52                 | 40.68 | 30.8        | 0         | 0             |
| 3  | Phòng bảo vệ                                 | m <sub>i</sub> | 64               | 264   | 40                    | 150   | 74          | 0         | 0             |
|    |                                              | %              | 19.51            | 80.49 | 15.15                 | 56.82 | 28.03       | 0         | 0             |
| 4  | Phòng sửa chữa các dụng cụ và trang thiết bị | m <sub>i</sub> | 54               | 274   | 52                    | 140   | 66          | 16        | 0             |
|    |                                              | %              | 16.46            | 83.54 | 18.98                 | 51.09 | 24.09       | 5.84      | 0             |
| 5  | Nhà kho                                      | m <sub>i</sub> | 0                | 328   | 56                    | 162   | 109         | 1         | 0             |
|    |                                              | %              | 0                | 100   | 17.07                 | 49.39 | 33.23       | 0.3       | 0             |
| 6  | Khác                                         | m <sub>i</sub> | 180              | 148   | 0                     | 73    | 74          | 1         | 0             |
|    |                                              | %              | 54.88            | 45.12 | 0                     | 49.32 | 50          | 0.68      | 0             |

việc và tập luyện chưa được trang bị phòng riêng cho cán bộ, bộ phận quản lý và phòng bảo vệ. Ở các khu vực Miền Trung và Miền Nam, các công trình hỗ trợ cho quản lý được trang bị đầy đủ hơn. Tuy nhiên, ở khu vực Miền Nam, các công trình hỗ trợ này được đa số đánh giá chất lượng chỉ ở mức trung bình (chiếm từ 45.28 – 67.80%).

#### **4. Thực trạng chất lượng các loại cơ sở vật chất hỗ trợ khác ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao**

Đối với các loại CSVC hỗ trợ khác, kết quả thu được ở bảng 4 cho thấy: Đa số các cơ sở kinh doanh đã trang bị thiết bị, công nghệ thông tin phục vụ quản lý (86.89%), trang bị các bảng nội quy, quy định (83.84%) và các bảng hướng dẫn, cảnh báo người tập (91.77%). Tuy vậy, một số CSVC mang tính nhân văn, văn hóa, truyền thống lại chưa được trang bị ở nhiều cơ sở. Cụ thể, có tới 66.46% các cơ sở kinh doanh chưa có các công trình hỗ trợ đặc biệt cho người khuyết tật; 44.28% các cơ sở không có

phòng truyền thống; và 38.11% các cơ sở không có phòng đọc. Kết quả khảo sát và so sánh ở các khu vực Bắc, Trung, Nam cũng khá tương đồng. Trong đó, tỷ lệ các cơ sở kinh doanh ở miền Nam có hơn 77% số người được hỏi cho biết, các cơ sở kinh doanh chưa có không gian cho phòng truyền thống, phòng đọc. Tỷ lệ này cao hơn so với ở miền Bắc và miền Trung là >50%.

#### **KẾT LUẬN**

Kết quả đánh giá thực trạng MTVH theo nhóm tiêu chí về văn hóa vật thể liên quan tới thiết chế văn hóa và cảnh quan văn hóa ở cơ sở tập luyện thể thao cho thấy: Các công trình, CSVC tuy đã được các cơ sở kinh doanh quan tâm, đầu tư xây dựng, nhưng mức độ đáp ứng và chất lượng ở nhiều cơ sở chỉ được đánh giá ở mức bình thường và vẫn còn một tỷ lệ không nhỏ các cơ sở chưa trang bị được đầy đủ; Một số công trình, cơ sở vật chất mang tính nhân văn, văn hóa, truyền thống còn chưa được quan tâm

**Bảng 4. Thực trạng chất lượng các loại cơ sở vật chất hỗ trợ khác ở các cơ sở kinh doanh dịch vụ tập luyện thể thao (n=328)**

| TT | Công trình hỗ trợ                                                                          |    | Kết quả khảo sát |       |                       |       |             |           |               |
|----|--------------------------------------------------------------------------------------------|----|------------------|-------|-----------------------|-------|-------------|-----------|---------------|
|    |                                                                                            |    | Không            | Có    | Chất lượng công trình |       |             |           |               |
|    |                                                                                            |    |                  |       | Rất tốt               | Tốt   | Bình thường | Không tốt | Rất không tốt |
| 1  | Công trình hỗ trợ đặc biệt dành cho người khuyết tật                                       | mi | 218              | 110   | 15                    | 42    | 53          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 66.46            | 33.54 | 13.64                 | 38.18 | 48.18       | 0         | 0             |
| 2  | Trang bị máy móc, thiết bị công nghệ thông tin phục vụ hoạt động quản lý                   | mi | 43               | 285   | 52                    | 136   | 97          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 13.11            | 86.89 | 18.25                 | 47.72 | 34.04       | 0         | 0             |
| 3  | Bảng nội quy, quy định đối với các tổ chức và cá nhân khi tham gia hoạt động thể thao      | mi | 53               | 275   | 120                   | 108   | 47          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 16.16            | 83.84 | 43.64                 | 39.27 | 17.09       | 0         | 0             |
| 4  | Bảng hướng dẫn, cảnh báo người tập sử dụng hiệu quả và an toàn các trang thiết bị          | mi | 27               | 301   | 82                    | 130   | 89          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 8.23             | 91.77 | 27.24                 | 43.19 | 29.57       | 0         | 0             |
| 5  | Bảng tin dành cho các tổ chức và cá nhân khi tham gia hoạt động thể thao                   | mi | 38               | 290   | 62                    | 165   | 63          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 11.59            | 88.41 | 21.38                 | 56.9  | 21.72       | 0         | 0             |
| 6  | Phòng truyền thống                                                                         | mi | 147              | 181   | 39                    | 65    | 77          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 44.82            | 55.18 | 21.55                 | 35.91 | 42.54       | 0         | 0             |
| 7  | Phòng hoặc không gian đọc                                                                  | mi | 125              | 203   | 54                    | 73    | 76          | 0         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 38.11            | 61.89 | 26.6                  | 35.96 | 37.44       | 0         | 0             |
| 8  | Địa điểm hoặc cách thức tiếp nhận thông tin phản hồi của người tập về môi trường tập luyện | mi | 117              | 211   | 41                    | 105   | 63          | 2         | 0             |
|    |                                                                                            | %  | 35.67            | 64.33 | 19.43                 | 49.76 | 29.86       | 0.95      | 0             |

trang bị (công trình hỗ trợ người khuyết tật, không gian cho phòng truyền thống, không gian đọc...).

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 01/12/2011 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*.

2. PGS.TS. Hồ Sĩ Quý (2007), *Về môi trường văn hoá và môi trường văn hoá ở Việt Nam*, (Nguồn: <http://webcache.googleusercontent.com/search?q=cache:n37BWr2SdiMJ:www.hids.hochiminh..>).

3. Bùi Hoài Sơn (2022), “Luận cứ khoa học về xây dựng môi trường văn hóa”, *Nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*.

4. 杨文辉 (2001, 论学校体育文化环境的建设, *韶关学院学报 (自然科学版)*.

Yang Wenhui (2001), “Về xây dựng môi trường văn hóa thể thao học đường”, *Tạp chí khoa học Học viện Thiệu Quan (Khoa học tự nhiên), Trung Quốc*.

(Bài nộp ngày 26/9/2023, phản biện ngày 13/10/2023, duyệt in ngày 25/10/2023)

Chịu trách nhiệm chính: Đinh Quang Ngọc  
Email: ngocbrtdtt@gmail.com)

## **LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN THỂ DỤC THỂ THAO**

### **4. Trương Quốc Uyên**

Bác Hồ động viên nhân dân tập thể dục để rèn luyện sức khỏe

### **6. Trương Anh Tuấn**

Về phát triển thể dục, thể thao trong thời kỳ mới của đất nước

## **BÀI BÁO KHOA HỌC**

### **9. Nguyễn Văn Phúc**

Thực trạng rủi ro tổ chức sự kiện trong hoạt động thể dục thể thao ở Việt Nam

### **15. Đỗ Hữu Trường; Phạm Việt Hùng; Đào Văn Thắng**

Thực trạng hiệu quả công tác tổ chức sự kiện thể thao tại vùng Trung du và miền núi Bắc bộ

### **20. Lê Trí Trường; Ngô Trang Hưng; Đinh Quang Ngọc; Nguyễn Thạch Hưng; Đỗ Ngọc Minh**

Khung ra quyết định về vấn đề triển khai công nghệ 4.0 trong nhận dạng và phân tích chuyển động thể thao

### **27. Đinh Quang Ngọc; Nguyễn Ngọc Tuấn**

Thực trạng môi trường văn hóa tại các cơ sở tập luyện thể thao dưới hình thức kinh doanh dịch vụ ở Việt Nam theo nhóm các tiêu chí về văn hóa vật thể

### **32. Mai Thị Bích Ngọc; Nguyễn Anh Tú; Lê Thị Tuyết Thương**

Nghiên cứu các điều kiện cần thiết để phát triển thể thao mạo hiểm tại vùng trung du và miền núi Bắc Bộ

### **39. Lương Thị Ánh Ngọc; Nguyễn Đình Lê Thái; Nguyễn Văn Nam; Hoàng Hải Sơn**

Thực trạng phân loại sức khỏe và tình trạng dinh dưỡng của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Quốc tế Hồng Bàng năm học 2022-2023

### **45. Bounnuang Kamphengthong**

Xác định các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh Trung học phổ thông Thủ đô Viêng Chăn - Lào

### **52. Nguyễn Thị Thanh Huyền**

Xác định thang đo đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia tập luyện môn Bóng đá của học sinh Trung học cơ sở tỉnh Bắc Ninh

### **59. Trần Doãn Khoa; Nông Minh Đức**

Thực trạng quản lý hoạt động giảng dạy môn Giáo dục thể chất tại Trường Đại học Hải Dương

### **63. Nguyễn Tuấn Đăng; Nguyễn Ngọc Quý**

Thực trạng hoạt động tập luyện Cầu lông ngoại khóa của học sinh Trường Trung học cơ sở Trang Hạ, Từ Sơn, Bắc Ninh

### **69. Đào Văn Thắng**

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chuyên môn nội dung súng trường cho nam vận động viên Đội tuyển trẻ quốc gia

### **73. Trần Thị Hồng Việt; Đinh Thị Mai Anh**

Lựa chọn bài tập phát triển thể lực chuyên môn cho nam vận động viên Bóng bàn lứa tuổi 14 - 15

## **TIN TỨC - SỰ KIỆN VÀ NHÂN VẬT**

### **77. Phạm Tuấn Dũng; Nguyễn Văn Hiếu**

Bài tập tạ tay cho phát triển nhóm cơ vai

### **80. Thẻ lệ viết và gửi bài.**

## **THEORY AND PRACTICE OF SPORTS**

### **4. Truong Quoc Uyen**

Uncle Ho encouraged people to exercise to improve their health

### **6. Truong Anh Tuan**

On the development of physical education and sports in the new era of the country

## **ARTICLES**

### **9. Nguyen Van Phuc**

Current status of event organization risks in sports activities in Vietnam

### **15. Do Huu Truong; Pham Viet Hung; Dao Van Thang**

Current status of the effectiveness of sports event organization in the Northern Midlands and Mountains region

### **20. Le Tri Truong; Ngo Trang Hung; Dinh Quang Ngoc; Nguyen Thach Hung; Do Ngoc Minh**

Decision-making framework on the issue of implementing 4.0 technology in sports movement recognition and analysis

### **27. Dinh Quang Ngoc; Nguyen Ngoc Tuan**

Current status of the cultural environment at sports facilities in the form of service businesses in Vietnam according to the group of criteria on material culture

### **32. Mai Thi Bich Ngoc; Nguyen Anh Tu; Le Thi Tuyet Thuong**

Research the necessary conditions to develop adventure sports in the Northern midlands and mountainous regions

### **39. Luong Thi Anh Ngoc; Nguyen Dinh Le Thai; Nguyen Van Nam; Hoang Hai Son**

Current status of physical fitness and nutrition classification of first-year students at Hong Bang International University in the 2022-2023 school year

### **45. Bounnuang Kamphengthong**

Determining factors affecting the quality of physical education for high school students in Vientiane Capital - Laos

### **52. Nguyen Thi Thanh Huyen**

Determining a scale to evaluate factors affecting the participation in soccer practice of secondary school students in Bac Ninh province

### **59. Tran Doan Khoa; Nong Minh Duc**

Current status of management of teaching activities in Physical Education at Hai Duong University

### **63. Nguyen Tuan Dang; Nguyen Ngoc Quy**

Current status of extracurricular badminton practice activities of students at Trang Ha Secondary School, Tu Son, Bac Ninh

### **69. Dao Van Thang**

Selecting exercises to develop professional physical fitness in rifle content for male athletes of the National Youth Team

### **73. Tran Thi Hong Viet; Dinh Thi Mai Anh**

Choosing exercises to develop professional physical strength for male Table Tennis players aged 14 - 15

## **NEWS - EVENTS AND PEOPLE**

### **77. Pham Tuan Dung; Nguyen Van Hieu** Dumbbell exercises for developing shoulder muscles

### **80. Rules of writing and posting.**



**Tạp chí KHOA HỌC**

# **ĐÀO TẠO VÀ HUẤN LUYỆN THỂ THAO**

**JOURNAL OF SCIENTIFIC TRAINING AND SPORTS COACHING**

**Ministry of Culture, Sports and Tourism - Bac Ninh Sport University**

**Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh - Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch**

**ISSN 1859-4417**

**Số 5 -2023  
(78)**

